

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/2025/CBSP/MINHĐẠT

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty Cổ Phần Khuôn Chính Xác Minh Đạt**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp 1, Xã Mỹ Yên, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0272 3870 873

Fax: 0272 3870 696

E-mail: info@midamold.com

Website: www.midamold.com

Mã số doanh nghiệp: 1100673882

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **NẮP XAY TIÊU VÔ CẤP**

2. Thành phần cấu tạo, vật liệu tiếp xúc thực phẩm:

Nhựa PS, ABS, POM, Cối nghiền Ceramic, Lò xo Inox 304.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Không áp dụng - Quy định tại Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa (được sửa đổi bởi Nghị định 111/2021/NĐ-CP)

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Bán lẻ: Đóng gói 1 set trong 1 bao PE, có nhãn chính bên ngoài.

- Bán sỉ: Xếp 210 sản phẩm thành 5 lớp, mỗi lớp 42 sản phẩm cách nhau bằng tấm carton quấn màng PE. Dán tem cho thùng. Hoặc đóng gói theo yêu cầu khách hàng.

- Bản tự công bố này áp dụng cho các sản phẩm cùng vật liệu, cùng điều kiện sử dụng, gồm các model : GC1-UAD38, GC1-UAD40, GC1-UAD45,... hoặc theo kích thước khách hàng yêu cầu.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Tên công ty: Công ty Cổ Phần Khuôn Chính Xác Minh Đạt

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp 1, Xã Mỹ Yên, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về ghi nhãn hàng hóa.

Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 9/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều

Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hoá.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. Công ty sản xuất, kinh doanh bao bì, dụng cụ tiếp xúc thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- **QCVN 12-1:2011/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

- **QCVN 12-3:2011/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

- **QCVN 12-4:2015/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ làm bằng thủy tinh, gốm, sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

2. Yêu cầu kỹ thuật: Xem phụ lục đính kèm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tây Ninh, ngày 01 tháng 11 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Tổng giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)



ĐỖ SỸ TOÀN

PHỤ LỤC: YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. MÔ TẢ SẢN PHẨM: NẮP XAY TIÊU VÔ CẤP (Hình đại diện)

GC1-UAD38



GC1-UAD40



GC1-UAD45



2. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN:

- QCVN 12-1:2011/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa.

Yêu cầu chung đối với bao bì, dụng cụ nhựa

Thử vật liệu		Thử thôi nhiễm			
Chỉ tiêu kiểm tra	Giới hạn tối đa	Chỉ tiêu kiểm tra	Điều kiện ngâm thử	Dung dịch ngâm thử	Giới hạn tối đa
Chì	100 µg/g	Kim loại nặng	60°C trong 30 phút	Acid acetic 4%	1 µg/ml
		Lượng KMnO ₄ sử dụng		Nước	10 µg/ml
Cadmi	100 µg/g				

Yêu cầu đối với bao bì, dụng cụ từ nhựa Polystyren (PS)

Thử vật liệu		Thử thôi nhiễm			
Chỉ tiêu kiểm tra	Giới hạn tối đa	Chỉ tiêu kiểm tra	Điều kiện ngâm thôi	Dung dịch ngâm thôi	Giới hạn tối đa
Tổng số chất bay hơi (styren, tuluen, ethybenzen, n-propyl benzen)	5mg/g	Cặn khô	25°C trong 1 giờ	Heptan	240 µg/ml
Polystyren trương nở (khi dùng nước sôi)	2mg/g		60°C trong 30 phút	Ethanol 20%	30 µg/ml
Styren và Ethybenzen	1mg/g		60°C trong 30 phút	Nước Acid acetic 4%	

Yêu cầu chung đối với bao bì, dụng cụ nhựa Polyoxymethylene (POM)

Thử thôi nhiễm			
Chỉ tiêu kiểm tra	Điều kiện ngâm thôi	Dung dịch ngâm thôi	Giới hạn tối đa
Phenol	60°C trong 30 phút	Nước	Âm tính
Formaldehyd			Âm tính
Cặn khô		Acid acetic 4%	30 µg/ml

Yêu cầu chung đối với bao bì, dụng cụ nhựa Polypropylen (PP)

Thử vật liệu		Thử thôi nhiễm			
Chỉ tiêu kiểm tra	Giới hạn tối đa	Chỉ tiêu kiểm tra	Điều kiện ngâm thôi	Dung dịch ngâm thôi	Giới hạn tối đa
Tổng số chất bay hơi	5 mg/g	Cặn khô	25°C trong 1 giờ	Heptan	30 µg/ml
Cặn khô	—		60°C trong 30 phút	Ethanol 20%	30 µg/ml
Chất chiết xuất tổng	—		60°C trong 30 phút	Nước / Acid acetic 4%	30 µg/ml

Yêu cầu chung đối với bao bì, dụng cụ nhựa Acrylonitrile Butadiene Styrene (ABS)

Thử vật liệu		Thử thôi nhiễm			
Chỉ tiêu kiểm tra	Giới hạn tối đa	Chỉ tiêu kiểm tra	Điều kiện ngâm thôi	Dung dịch ngâm thôi	Giới hạn tối đa
Tổng số chất bay hơi	5 mg/g	Cặn khô	60°C trong 30 phút	Ethanol 20%	30 µg/ml
Monomer dư (Acrylonitrile, Styrene, Butadiene)	1 mg/g		60°C trong 30 phút	Nước	30 µg/ml

- **QCVN 12-4:2015/BYT**- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ làm bằng Ceramic.

Yêu cầu kỹ thuật đối với bao bì, dụng cụ làm bằng gốm, gồm thủy tinh

TT	Chỉ tiêu kiểm tra	Mức tối đa
1	Lòng nông phẳng	
	<i>Dùng để chứa đựng và đun, nấu</i>	
	Cadmi (mg/dm ²)	0,07
	Chì (mg/dm ²)	0,8
2	Lòng sâu	
2.1	<i>Dùng để chứa đựng</i>	
2.1.1	<i>Dung tích nhỏ hơn 1.100 ml</i>	
	Cadmi (mg/l)	0,5
	Chì (mg/l)	2,0

- **QCVN 12-3:2011/BYT**- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng kim loại.

Thử thôi nhiễm			
Chỉ tiêu kiểm tra	Điều kiện ngâm thôi	Dung dịch ngâm thôi	Giới hạn tối đa
Arsen	60 ⁰ C trong 30 phút	Nước	0,2 µg/ml
	60 ⁰ C trong 30 phút	Dung dịch acid citric 0.5%	
Cadimi	60 ⁰ C trong 30 phút	Nước	0,1 µg/ml
	60 ⁰ C trong 30 phút	Dung dịch acid citric 0.5%	
Chì	60 ⁰ C trong 30 phút	Nước	0,4 µg/ml
	60 ⁰ C trong 30 phút	Dung dịch acid citric 0.5%	
Phenol	60 ⁰ C trong 30 phút	Nước	5 µg/ml
Formaldehyd			Âm tính
Cặn khô	25 ⁰ C trong 1 giờ	Heptan	30 µg/ml
	60 ⁰ C trong 30 phút	Ethanol 20%	
	60 ⁰ C trong 30 phút	Nước	
		Acid acetic 4%	
Epichlorohydrin	25 ⁰ C trong 2 giờ	Pentan	0,5 µg/ml
Vinylchlorid	Không quá 5 ⁰ C trong 24h	Ethanol 20%	0,05 µg/ml

3. MẪU NHÃN SẢN PHẨM

- MẪU NHÃN DỰ KIẾN: (Mã số sản phẩm thay đổi theo từng model)



- TEM DÁN THÙNG CARTON: (Mã số sản phẩm thay đổi theo từng model)

		NẮP XAY TIÊU VÔ CẤP D38	
		Code: GC1-UAD38 Size: Ø48x45 mm	
Số lượng : 210 set		Xuất xứ : Việt Nam	
Nhựa :		Ngày SX :	
Màu :		Lô SX :	
Tr/lượng :		Công dụng : Dùng làm nắp đậy hũ đựng gia vị. Xay tiêu và các loại gia vị khác.	
Số thùng :		Lưu ý: Chỉ sử dụng cho mục đích cơ bản.	
Sản phẩm của: CÔNG TY CỔ PHẦN KHUÔN CHÍNH XÁC MINH DAT Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp 1, Xã Mỹ Yên, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam Điện thoại: +(84) 272 3870 873 Fax: +(84) 272 3870 696 Website: www.midatek.com Email: info@midatek.com			

4. HÌNH ẢNH ĐÓNG GÓI

- BÁN LẺ:



- BÁN SỈ:





Softlines &
Hardlines

Report No. : EFUZ25090946-CG-01 VIE
Date : September 29, 2025
Page : 1 of 10

CÔNG TY CỔ PHẦN KHUÔN CHÍNH XÁC MINH DAT

Quốc lộ 1A, Ấp 1, Xã Mỹ Yên, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

LẤY MẪU:	Eurofins Consumer Product Testing Việt Nam không thực hiện lấy mẫu
TÊN MẪU:	1/ Nắp Xay Tiêu Vô Cấp 2/ Cối Xay
KIỂU MẪU:	1/ Nắp Xay Tiêu Vô Cấp - Chất Liệu ABS 2/ Cối Xay - Chất Liệu Ceramic
MÀU SẮC:	/
SỐ LÔ:	/
XUẤT XỨ:	VIỆT NAM
XUẤT KHẨU:	/
TÌNH TRẠNG MẪU:	Mẫu nhận trong tình trạng bình thường
NGÀY NHẬN MẪU:	22/09/2025
QUÁ TRÌNH PHÂN TÍCH:	22/09/2025 – 29/09/2025

Eurofins Consumer Product Testing Vietnam Company Limited
1/4 Tân Thới Nhất 18 Street, Tân Thới Nhất Ward, District 12, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Tel: +84 287109 8828 Website: <https://www.eurofins.com/cpt>

Softlines &
Hardlines

Report No. : EFUZ25090946-CG-01 VIE

Date : September 29, 2025

Page : 2 of 10

BẢNG KẾT QUẢ

#	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐẠT	KHÔNG ĐẠT	SỐ LIỆU
I	QCVN 12-1:2011/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm			
1	Xác định hàm lượng Chì (Pb) và Cadmium (Cd)	X		
2	Xác định hàm lượng tổng thôi nhiễm kim loại nặng tính dưới dạng Chì (Pb)	X		
3	Xác Định hàm lượng cặn khô	X		
4	Xác định hàm lượng Kali permanganate (KMnO ₄)	X		
5	Xác định tổng hàm lượng các hợp chất bay hơi (Styrene, Toluene, Ethylbenzene, n-Propylbenzene)	X		
II	QCVN 12-3:2011/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm			
1	Thử thôi nhiễm Asen (As), Cadmium (Cd) và Chì (Pb)	X		
III	QCVN 12-4:2015/BYT/ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ làm bằng thủy tinh, gốm, sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm			
1	Xác định hàm lượng Chì (Pb) và Cadmium (Cd) thôi nhiễm	X		

Đạt – Đạt yêu cầu tiêu chuẩn

Không đạt – Không đạt yêu cầu tiêu chuẩn

Số liệu – Kết quả kiểm nghiệm thực tế

***** THÔNG TIN CHI TIẾT, VUI LÒNG XEM TRANG TIẾP THEO *****

Báo cáo thử nghiệm này được xác nhận bởi:

Henry Nguyen
Business Unit Manager & Regional CPT Analytical Director

Kết quả thu được đề cập đến các mẫu, sản phẩm hoặc vật liệu nhận được trong Phòng thí nghiệm, như được mô tả trong mô tả mẫu liên quan ở trên và được thử nghiệm trong các điều kiện thể hiện trong báo cáo hiện tại. Công ty TNHH Eurofins Consumer Product Testing Việt Nam đảm bảo rằng công việc này đã được thực hiện theo Hệ thống Chất lượng của chúng tôi và tuân thủ hợp đồng và các điều kiện pháp lý. Việc sao chép tài liệu này chỉ có hiệu lực nếu nó được thực hiện hoàn toàn và dưới sự cho phép bằng văn bản của Eurofins Consumer Product Laboratory Co., Ltd. Nếu bạn có bất kỳ ý kiến hoặc khiếu nại nào, vui lòng phản hồi bằng cách gửi email đến CPTVNCs@cpt.eurofinsasia.com và tham khảo

Eurofins Consumer Product Testing Vietnam Company Limited

1/4 Tân Thới Nhất 18 Street, Tân Thới Nhất Ward, District 12, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Tel: +84 287109 8828 Website: <https://www.eurofins.com/cpt>



Softlines &
Hardlines

Report No. : EFUZ25090946-CG-01 VIE
Date : September 29, 2025
Page : 3 of 10

HÌNH ẢNH



Eurofins Consumer Product Testing Vietnam Company Limited

1/4 Tân Thới Nhất 18 Street, Tân Thới Nhất Ward, District 12, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Tel: +84 287109 8828 Website: <https://www.eurofins.com/cpt>

Softlines &
Hardlines

Report No. : EFUZ25090946-CG-01 VIE

Date : September 29, 2025

Page : 4 of 10

DANH SÁCH THÀNH PHẦN:

Mã số	Màu	Vật liệu	Vị trí
A1	TRẮNG	Nhựa ABS	Nắp Xay Tiêu Vô Cấp/ Miếng Chặn
A2	ĐỎ	Nhựa ABS	
A3	ĐEN	Nhựa ABS	
A4	TRẮNG	POM	Nút Chỉnh
A5	ĐEN	POM	Chốt Dẫn
A6	TRẮNG	Sứ	Cối Xay
A7	BẠC	INOX 304	Lò Xo
A8	TRONG SUỐT	PS	Nắp Đậy

Eurofins Consumer Product Testing Vietnam Company Limited1/4 Tân Thới Nhất 18 Street, Tân Thới Nhất Ward, District 12, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Tel: +84 287109 8828 Website: <https://www.eurofins.com/cpt>

Softlines &
HardlinesReport No. : EFUZ25090946-CG-01 VIE
Date : September 29, 2025
Page : 6 of 10**2. Xác định hàm lượng tổng thôi nhiễm kim loại nặng tính dưới dạng Chì (Pb)**

Phương pháp thử nghiệm: QCVN 12-1: 2011/BYT và được xác định bằng phương pháp đo độ đục.

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Số CAS	Đơn vị	Giới hạn phát hiện	Giới hạn tối đa	Kết quả	
						A1	A2
1	Kim loại nặng quy ra chì (Acid acetic 4%, 60°C, 30 phút)	7439-92-1	µg/ml	1	1	ND	ND
Kết luận						ĐẠT	ĐẠT

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Số CAS	Đơn vị	Giới hạn phát hiện	Giới hạn tối đa	Kết quả	
						A3	A4
1	Kim loại nặng quy ra chì (Acid acetic 4%, 60°C, 30 phút)	7439-92-1	µg/ml	1	1	ND	ND
Kết luận						ĐẠT	ĐẠT

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Số CAS	Đơn vị	Giới hạn phát hiện	Giới hạn tối đa	Kết quả	
						A5	A8
1	Kim loại nặng quy ra chì (Acid acetic 4%, 60°C, 30 phút)	7439-92-1	µg/ml	1	1	ND	ND
Kết luận						ĐẠT	ĐẠT

Ghi chú:

µg/ml = Microgram trên milliliter

ND = Không phát hiện (kết quả nhỏ hơn Giới hạn phát hiện)

Eurofins Consumer Product Testing Vietnam Company Limited
1/4 Tân Thới Nhất 18 Street, Tân Thới Nhất Ward, District 12, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Tel: +84 287109 8828 Website: <https://www.eurofins.com/cpt>

Softlines &
HardlinesReport No. : EFUZ25090946-CG-01 VIE
Date : September 29, 2025
Page : 5 of 10**KẾT QUẢ**

I. QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

1. Xác định hàm lượng Chì (Pb) và Cadmium (Cd)

Phương pháp thử nghiệm: QCVN 12-1: 2011/BYT và được xác định bởi ICP-MS.

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Số CAS	Đơn vị	Giới hạn phát hiện	Giới hạn tối đa	Kết quả	
						A1	A2
1	Chì (Pb)	7439-92-1	µg/g	5	100	ND	ND
2	Cadmi (Cd)	7440-43-9	µg/g	5	100	ND	ND
Kết luận						ĐẠT	ĐẠT

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Số CAS	Đơn vị	Giới hạn phát hiện	Giới hạn tối đa	Kết quả	
						A3	A4
1	Chì (Pb)	7439-92-1	µg/g	5	100	ND	ND
2	Cadmi (Cd)	7440-43-9	µg/g	5	100	ND	ND
Kết luận						ĐẠT	ĐẠT

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Số CAS	Đơn vị	Giới hạn phát hiện	Giới hạn tối đa	Kết quả	
						A5	A8
1	Chì (Pb)	7439-92-1	µg/g	5	100	ND	ND
2	Cadmi (Cd)	7440-43-9	µg/g	5	100	ND	ND
Kết luận						ĐẠT	ĐẠT

Ghi chú:

µg/g = Microgram trên gram

ICP-MS = inductively coupled plasma mass spectroscopy

ND = Không phát hiện (kết quả nhỏ hơn Giới hạn phát hiện)

Eurofins Consumer Product Testing Vietnam Company Limited

1/4 Tân Thới Nhất 18 Street, Tân Thới Nhất Ward, District 12, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Tel: +84 287109 8828 Website: <https://www.eurofins.com/cpt>



Softlines &
Hardlines

Report No. : EFUZ25090946-CG-01 VIE

Date : September 29, 2025

Page : 7 of 10

3. Xác định hàm lượng cặn khô

Phương pháp thử nghiệm: QCVN 12-1: 2011/BYT và được xác định bằng phương pháp trọng lượng.

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Giới hạn phát hiện	Giới hạn tối đa	Kết quả
					A8
1	Hàm lượng cặn khô chiết được (n-Heptane, 25°C, 60 phút)	µg/ml	10	240	ND
2	Hàm lượng cặn khô chiết được (Cồn Ethanol 20%, 60°C, 30 phút)	µg/ml	10	30	ND
3	Hàm lượng cặn khô chiết được (Nước cất, 60°C, 30 phút)	µg/ml	10	30	ND
4	Hàm lượng cặn khô chiết được (Acid acetic 4%, 60°C, 30 phút)	µg/ml	10	30	ND
Kết luận					ĐẠT

Ghi chú:

µg/ml = Microgram trên milliliter

ND = Không phát hiện (kết quả nhỏ hơn Giới hạn phát hiện)

4. Xác định hàm lượng Kali permanganate (KMnO₄)

Phương pháp thử nghiệm: QCVN 12-1: 2011/BYT và được xác định bằng phương pháp chuẩn độ.

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Giới hạn phát hiện	Giới hạn tối đa	Kết quả	
					A1	A2
1	Lượng KMnO ₄ sử dụng (Nước cất, 60°C, 30 phút)	µg/ml	5	10	ND	ND
Kết luận					ĐẠT	ĐẠT

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Giới hạn phát hiện	Giới hạn tối đa	Kết quả	
					A3	A4
1	Lượng KMnO ₄ sử dụng (Nước cất, 60°C, 30 phút)	µg/ml	5	10	ND	ND
Kết luận					ĐẠT	ĐẠT

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Giới hạn phát hiện	Giới hạn tối đa	Kết quả	
					A5	A8
1	Lượng KMnO ₄ sử dụng (Nước cất, 60°C, 30 phút)	µg/ml	5	10	ND	ND
Kết luận					ĐẠT	ĐẠT

Ghi chú:

µg/ml = Microgram trên milliliter

ND = Không phát hiện (kết quả nhỏ hơn Giới hạn phát hiện)

Eurofins Consumer Product Testing Vietnam Company Limited

1/4 Tân Thới Nhất 18 Street, Tân Thới Nhất Ward, District 12, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Tel: +84 287109 8828 Website: <https://www.eurofins.com/cpt>

Softlines &
Hardlines

Report No. : EFUZ25090946-CG-01 VIE

Date : September 29, 2025

Page : 8 of 10

5. Xác định tổng hàm lượng các hợp chất bay hơi (Styrene, Toluene, Ethylbenzene, n-Propylbenzene)

Phương pháp thử nghiệm: QCVN 12-1: 2011/BYT và được xác định bởi GC-MS.

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	CAS No.	Đơn vị	Giới hạn phát hiện	Giới hạn tối đa	Kết quả
						A8
1	Toluene	108-88-3	mg/g	0.04	-	0.35
2	Styrene	100-42-5	mg/g	0.02	-	0.4
3	Ethylbenzene	100-41-4	mg/g	0.02	-	ND
4	Isopropylbenzene	98-82-8	mg/g	0.02	-	ND
5	n-propylbenzene	103-65-1	mg/g	0.02	-	ND
Tổng (toluene+ Styrene+ Ethylbenzene+ Isopropylbenzene+ n-propylbenzene)					5	0.75
Tổng (Styrene+ Ethylbenzene)					1	0.4
Kết luận						ĐẠT

Ghi chú:

mg/g = mi-li-gram trên gram

GC-MS = Gas Chromatography Mass Spectrometry

ND = Không phát hiện (Kết quả nhỏ hơn Giới hạn phát hiện)

Eurofins Consumer Product Testing Vietnam Company Limited

1/4 Tân Thới Nhất 18 Street, Tân Thới Nhất Ward, District 12, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Tel: +84 287109 8828

Website: <https://www.eurofins.com/cpt>

Softlines &
Hardlines

Report No. : EFUZ25090946-CG-01 VIE

Date : September 29, 2025

Page : 9 of 10

II. QCVN 12-3:2011/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm**1. Thử thôi nhiễm Arsen (As), Cadmium (Cd) và Chì (Pb)**

Phương pháp thử nghiệm: QCVN 12-3: 2011/BYT, được xác định bởi ICP-MS.

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Số CAS	Đơn vị	Giới hạn phát hiện	Giới hạn cho phép	Kết quả
						A7
1	Arsen (As) (Nước cất, 60°C, 30 phút)	7440-38-2	µg/ml	0.01	0.2	ND
2	Arsen (As) (Acid Citric 0.5%, 60°C, 30 phút)	7440-38-2	µg/ml	0.01	0.2	ND
3	Cadmium (Cd) (Nước cất, 60°C, 30 phút)	7440-43-9	µg/ml	0.01	0.1	ND
4	Cadmium (Cd) (Acid Citric 0.5%, 60°C, 30 phút)	7440-43-9	µg/ml	0.01	0.1	ND
5	Chì (Pb) (Nước cất, 60°C, 30 phút)	7439-92-1	µg/ml	0.01	0.4	ND
6	Chì (Pb) (Acid Citric 0.5%, 60°C, 30 phút)	7439-92-1	µg/ml	0.01	0.4	ND
Kết luận						ĐẠT

Ghi chú:

µg/ml = Microgram cho mỗi mi-li-lít

ICP-MS = inductively coupled plasma mass spectroscopy

ND = Không phát hiện (kết quả nhỏ hơn Giới hạn phát hiện)

**Eurofins Consumer Product Testing Vietnam Company Limited**

1/4 Tân Thới Nhất 18 Street, Tân Thới Nhất Ward, District 12, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Tel: +84 287109 8828

Website: <https://www.eurofins.com/cpt>

Softlines &
HardlinesReport No. : EFUZ25090946-CG-01 VIE
Date : September 29, 2025
Page : 10 of 10

III. QCVN 12-4:2015/BYT/ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ làm bằng thủy tinh, gốm, sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm

1. Xác định hàm lượng Chì (Pb) và Cadmium (Cd) thôi nhiễm

Phương pháp thử nghiệm: QCVN 12-4: 2015/BYT, được xác định bởi ICP-MS.

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Giới hạn phát hiện	Giới hạn cho phép	Kết quả
					A6
1	Cadmi (Cd) (Acid Acetic 4%, 22°C, 24 giờ)	mg/dm ²	0.01	0.07	ND
2	Chì (Pb) (Acid Acetic 4%, 22°C, 24 giờ)	mg/dm ²	0.1	0.8	ND
Kết luận					ĐẠT

Ghi chú:

mg/dm² = milligrams per square decimeter

ICP-MS = Inductively Coupled Plasma Mass Spectroscopy

ND = Không phát hiện (kết quả nhỏ hơn Giới hạn phát hiện)

*** HẾT BÁO CÁO***

Eurofins Consumer Product Testing Vietnam Company Limited

1/4 Tân Thới Nhất 18 Street, Tân Thới Nhất Ward, District 12, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Tel: +84 287109 8828

Website: <https://www.eurofins.com/cpt>